

Bản án số: **05/2020/HS-ST**  
Ngày: 20/02/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Thiện**  
*Thẩm phán:* Ông **Võ Minh Diệp**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Công Nho**  
Ông **Nguyễn Đình Cảnh**  
Ông **Trịnh Ngọc Bằng**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Minh Ngôn** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Hữu Quân** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số **48/2019/TLST-HS** ngày 24 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **54/2019/QĐXXST-HS** ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Ngô Văn T**, sinh năm 1974 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C (Đã chết) và bà Lâm Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/02/2018, chuyển tạm giam ngày 10/02/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. **Ngô Đức M**, sinh năm 1974 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 3, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe ôm; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn M, sinh năm 1942 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1948; có vợ là Huỳnh Thị P, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/02/2018, chuyển tạm giam ngày 10/02/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa của bị cáo Ngô Văn T: Ông **Ngô Thanh T**, luật sư Văn phòng luật sư Thanh Thiên thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam và ông **Vũ Minh T**, luật sư Văn phòng luật sư Vũ Minh Thương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Đều có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Ngô Đức Mẫn: Ông **Nguyễn Xuân B**, luật sư Văn phòng luật sư Đào Duy Khánh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 16, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Ông **Trần Huy P**, sinh năm 1987; công tác tại Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Ông **Nguyễn Phú C**, sinh năm 1993; công tác tại Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Ông **Ngô Trung T**, sinh năm 1997; trú tại: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Ông **Lê Phi T**, sinh năm 1964; trú tại: 21 Bà Huyện Thanh Q, phường M, quận N, thành phố Đ. Có mặt.

6. Ông **Nguyễn L**, sinh năm 1990; trú tại: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

7. Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 1, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông **Trần Huy P**, sinh năm 1987; công tác tại Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Phú C**, sinh năm 1993; công tác tại Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Ông **Hoàng N**, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 3, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Trưởng Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam). Có mặt.

4. Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 3, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Trên cơ sở kết quả điều tra, đã xác định được như sau:*

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 01/02/2018, Ngô Văn T đang ở nhà của mình thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch) chạy xe máy đến hỏi T: “Có biết ở gần đây có ai chạy xe ba gác máy (xe lôi) không?”, T hỏi lại người đàn ông đó: “Chở cái chi, từ đâu về?”, người đàn ông đó nói: “Chở mấy bao bột nhựa từ Ngã ba sát hạch (thuộc địa phận xã B, huyện T) về xã B”, T hỏi lại: “Giá cả sao thì tôi thuê cho”, người đàn ông đó nói: “Giá 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng”. Sau đó, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Nouvo của mình chạy đi tìm người chở hàng thì thấy Ngô Đức M nên gọi và hỏi: “M có rảnh không, chở cho tao chuyển hàng từ Ngã ba sát hạch về xã B, tao trả 400.000 (bốn trăm

ngàn) đồng”, M đồng ý. Sau đó, T yêu cầu M chạy xe ba gác máy (xe lôi) đi trước theo hướng Quốc lộ 1A - Ngã ba sát hạch, còn T quay về gặp lại người đàn ông đó và nói có người chạy xe ra trước rồi. Người đàn ông đó đưa tiền cho T và bảo T đưa số điện thoại của T cho người đàn ông đó, lát nữa sẽ có người gọi giao hàng. Sau khi đưa số điện thoại, T và người đàn ông đó mỗi người đi trên một chiếc xe máy cùng đi theo hướng Quốc lộ 1A - Ngã ba sát hạch.

Trên đường đi, T hỏi người đàn ông: “Chở hàng chi rứa ông?”, người đàn ông nói: “Mấy cái đồ làm vàng ấy mà” (tức là Xyanua). Vừa đi, T vừa suy nghĩ lại thấy người đàn ông nói cũng đúng, vì chở có chuyến hàng và với đoạn đường không xa lắm mà ông ta trả 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng; T nghĩ đã nhận tiền rồi nên phải chở nên không nói gì và tiếp tục đi cùng người đàn ông đó. Đi được một đoạn thì T thấy M đang chạy xe phía trước, T nói với người đàn ông: “Xe đang ở phía trước kìa”, người đàn ông đó nói lại với T: “Thôi, hai anh em chạy ra Ngã ba sát hạch đợi xít có xe vào giao hàng, khi nào chất hàng xong thì chạy thẳng theo đường biển (ĐT129) về B”, sau đó người đàn ông đó chạy trước.

T và M chạy xe đến Ngã ba sát hạch ngồi đợi tại một quán nước; một lúc sau có một số điện thoại (giọng một người đàn ông) gọi đến cho T nói: “Xe chở hàng chuẩn bị đến”, T nói: “Đang ngồi đợi ngay Ngã ba sát hạch”, người gọi điện đến cho T nói tiếp: “Đợi một lúc sẽ đến ngay”. T và M đang ngồi đợi tại quán nước thì có một xe tải hiệu Hino BKS 43C-051.81 do tài xế Nguyễn Ngọc B (sinh ngày 05/10/1980; trú tại: Tổ 16, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; là lái xe cho Công ty TNHH TM&DV vận tải N, địa chỉ Lô 14 đường Bà Huyện Thanh Q, phường M, quận N, thành phố Đ) điều khiển chạy vào Ngã ba sát hạch, lúc đó số điện thoại đã gọi cho T trước đó gọi lại và nói: “Vào nhận hàng”, sau đó T nói M cùng đi bốc hàng. T và M bốc hàng từ xe tải sang xe lôi của M, trong lúc bốc hàng thì M hỏi T: “Hàng chi rứa vậy ông”, T nói: “Im, im, im, chất làm vàng đó”, M nghe vậy biết là Xyanua và tiếp tục bốc tổng cộng 24 bao tải hàng, trọng lượng loại 20 (hai mươi) đến 25 (hai lăm) ki lô gam chất lên xe lôi. Khi bốc hàng xong, T nói với M là: “Đi thẳng theo đường biển (ĐT129) về xã B, huyện T”, sau đó T điều khiển xe máy Nouvo chạy trước, còn M điều khiển xe lôi chở hàng chạy theo sau. Đi được một đoạn thì T gặp người đàn ông đã thuê T chở hàng đứng đợi phía trước, sau đó T và người đàn ông đó cùng đi.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/02/2018, khi M đang điều khiển xe lôi chở 24 bao hàng lưu thông trên tuyến đường ĐT129 đến địa phận thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì gặp Tổ Công tác Công an huyện T gồm hai đồng chí Trần Huy P (sinh ngày 22/8/1987; cán bộ công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện T) và đồng chí Nguyễn Phú C (sinh ngày 28/11/1993; cán bộ công tác tại Đội An ninh Công an huyện T) làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông trên tuyến đường ven biển (ĐT129). Tổ Công tác phát hiện M đang điều khiển xe lôi 3 bánh, không có biển kiểm soát, trên thùng xe có chở 24 (hai mươi bốn) bao tải nên yêu cầu dừng lại để kiểm tra, Tổ Công tác yêu cầu M xuất trình hóa đơn, chứng từ của hàng hóa đang vận chuyển nhưng M không xuất trình được. Cùng lúc đó, Ngô Văn T và người đàn ông đã thuê T chở hàng đã đi đến địa phận xã B, huyện T thì T nhận được điện thoại của M, M nói: “Xe bị Cảnh sát giao thông bắt rồi”, T nói lại với người đàn ông đó thì người đàn ông

đó nói: “Nói với nó (nói lại với M) có bao nhiêu tiền đưa hết cho họ để nộp phạt họ cho đi”, T nói lại với M nội dung mà người đàn ông đó đã nói với T, M lấy ra số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng và hỏi lộ cho Tổ Công tác xin bỏ qua để cho xe đi nhưng Tổ Công tác không đồng ý và yêu cầu kiểm tra hàng hóa. M tiếp tục gọi cho T nói đã đưa tiền rồi nhưng các anh không chịu, M yêu cầu T đến giải quyết. T cũng nói nội dung mà M đã nói với T cho người đàn ông đó nghe, sau đó người đàn ông đó lấy ra một cọc tiền và đưa cho T và nói: “10.000.000 (mười triệu) đồng đó, ông tới đưa cho họ năn nỉ sao để họ cho đi, tôi đứng ở đây đợi, xúu nữa về tôi bồi dưỡng thêm cho”.

T cầm tiền và điều khiển xe máy Nouvo đến chỗ M bị Cảnh sát giao thông bắt. Trong lúc chờ Ngô Văn T đến, Tổ công tác yêu cầu M mang xuống một bao hàng để kiểm tra thì M nói: “Không nên đụng vào, Xyanua đó”. Khi T đến nơi gặp Tổ Công tác và lấy trong ví ra số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng để hỏi lộ xin Tổ Công tác bỏ qua cho M, lấy xe để chở hàng đi nhưng Tổ Công tác kiên quyết không đồng ý. Tổ Công tác báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất và đưa hỏi lộ.

\* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm:

- 24 (hai mươi bốn) bao tải bên ngoài in các dòng chữ “AGC, bột nhựa PVC RESIN, ASNYL”, bên trong có chứa chất màu trắng hình trụ tròn, mỗi bao có cân nặng 25 (hai mươi lăm) ki lô gam;

- 01 (một) xe lôi ba bánh không có biển kiểm soát;

- 01 (một) xe moto nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 92L1-061.39;

- 01 (một) cọc tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng tiền Việt Nam gồm 19 (mười chín) tờ, tổng cộng số tiền là 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng;

- 01 (một) cọc tiền có tổng số tiền là 114.000 (một trăm mười bốn ngàn) đồng tiền Việt Nam của Ngô Văn T;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, bên ngoài có ốp cao su màu đen, bên trong có gắn hai sim, 01 (một) sim Vinaphone không có số seri; 01 (một) sim Vinaphone có số seri: 89840.20001.06321.89254 của Ngô Văn T;

- 01 (một) giấy đăng ký xe số 020871 mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) thẻ ATM số 9704.0507.9273.2526 mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) thẻ khách hàng của Ngân hàng Agribank mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) giấy phép lái xe số 490038002488 hạng A1, mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) giấy phép lái xe số 790169079082 hạng B2 mang tên Ngô Trung Ti;

- 01 (một) ví màu đen cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) cọc tiền 2.000.000 (hai trăm ngàn) đồng gồm: 02 (hai) tờ mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 (hai trăm ngàn) đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 (một trăm ngàn) đồng;

02 tờ tiền mệnh giá 50.000 (năm mươi ngàn) đồng; 01 (một) ví màu đen đã cũ của Ngô Đức M;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đỏ, bên trong có gắn hai sim gồm: 01 (một) sim Viettel có số seri 8984.04800.88128.11596; 01 (một) sim Vinaphone có số seri 89840.20001.05388.48748 của Ngô Đức M;

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng nhạt, hiệu Mobell, số IMEI: 510111601071796, bên trong có gắn sim Mobifone số thuê bao 01202330791, mặt sau có in dãy số 8401150450078245 của Nguyễn Ngọc B.

\* Ngày 05/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam ra Quyết định trưng cầu giám định số 10/PC45 trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đối với 48 (bốn mươi tám) viên nén màu trắng hình trụ tròn, đựng trong 24 (hai mươi bốn) túi ni lông có trọng lượng 600 (sáu trăm) ki lô gam.

\* Tại Kết luận giám định số 109/C54C(Đ4) ngày 07/02/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đ kết luận: 48 viên nén màu trắng hình trụ tròn, đựng trong 24 (hai mươi bốn) túi ni long đều là Natri Xyanua (NaCN) là chất độc mạnh với người và gia súc.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS-P2 ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố: Bị cáo **Ngô Văn T** bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố về tội “Vận chuyển trái phép chất độc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo **Ngô Đức M** bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố về tội “Vận chuyển trái phép chất độc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, khoản, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm các tội “Vận chuyển trái phép chất độc” và tội “Đưa hối lộ”; bị cáo Ngô Đức M phạm tội “Vận chuyển trái phép chất độc”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Ngô Văn T 16 năm đến 17 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất độc”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Ngô Văn T 01 năm đến 02 năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Ngô Văn T phải chấp hành cho cả hai tội là 17 năm đến 19 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Ngô Đức M 15 năm đến 16 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật như cáo trạng đã đề cập.

Các bị cáo nhận tội, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa của bị cáo Ngô Văn T với luận cứ bào chữa:

Thông nhất với Cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa về tội danh, điểm khoản Điều luật áp dụng. Tuy nhiên cần xem xét bị cáo Ngô Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người lao động nghèo chỉ vì món lợi 200.000 đồng mà phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ ruột là người có công cách mạng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố. Đối với tội “Đưa hối lộ” thì hành vi của bị cáo đã cấu thành nhưng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội chưa đạt”. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim O là vợ bị cáo T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 92L1-061.39 vì đây là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo, hơn nữa chiếc xe này là phương tiện liên quan gián tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo Ngô Đức M với luận cứ bào chữa:

Thông nhất với Cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa về tội danh, điểm khoản Điều luật áp dụng. Bị cáo Ngô Đức M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O có ý kiến: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 92L1-061.39 là phương tiện di chuyển duy nhất của gia đình bà và là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và bị cáo Ngô Văn T nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe này cho bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn T khai nhận:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 01/02/2018, bị cáo Ngô Văn T đang ở nhà của mình tại tổ 1, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thì có người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi bị cáo T về việc cần chở mấy bao bột nhựa từ ngã ba Sát hạch thuộc địa phận xã B, huyện T về xã B, huyện T. Sau khi nghe người đàn ông (không rõ lai lịch) nói giá vận chuyển là 600.000 đồng thì bị cáo đồng ý và đi tìm người vận chuyển số hàng trên. Bị cáo T thấy bị cáo Ngô Đức M thì thuê bị cáo M chở hàng cho người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 400.000 đồng thì được bị cáo M đồng ý. Sau đó, bị cáo T nói bị cáo M chạy xe ba gác máy tới ngã ba Sát hạch trước còn bị cáo T quay về gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) và nói có người chạy xe ra trước rồi. Bị cáo T nhận của người đàn ông (không rõ lai lịch) 600.000 đồng và người đàn ông (không rõ lai lịch) bảo bị cáo T lát nữa sẽ có người giao hàng. Bị cáo T và người đàn ông (không rõ lai lịch), mỗi người điều khiển trên một chiếc xe mô tô tới ngã ba Sát hạch. Trên đường đi, khi bị cáo T hỏi “Chở hàng chi rứa ông” thì người đàn ông không rõ lai lịch nói “Mấy cái đồ làm vàng ấy mà”. Lúc này bị cáo T biết được hàng người đàn ông (không rõ lai lịch) nhờ vận chuyển là chất độc Xyanua nhưng nghĩ đã nhận tiền rồi và được hưởng lợi 200.000 đồng nên không nói gì mà vẫn tiếp tục đi tới ngã ba sát hạch. Sau khi tới ngã ba Sát hạch thì có một xe tải chở hàng tới, bị cáo T và bị cáo M cùng chất hàng lên xe ba gác máy (xe lôi) của bị cáo M và vận chuyển về xã B theo hướng đường ĐT129. Khi bị cáo T và người đàn ông (không rõ lai lịch) đi tới địa phận xã B, huyện T thì bị cáo nhận được điện thoại của bị cáo M nói bị “Xe bị Cảnh sát giao thông bắt rồi”. Theo sự hướng dẫn của bị cáo T thì bị cáo M đã đưa số tiền 1.500.000 đồng hối lộ xin tổ công tác xin cho xe đi nhưng không được nên bị cáo M tiếp tục gọi cho bị cáo T đến. Bị cáo T đến đưa số tiền 9.500.000 đồng để hối lộ xin tổ công tác cho bị cáo M lấy xe chở hàng đi nhưng tổ công tác không đồng ý. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất độc và đưa hối lộ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo M khai nhận:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 01/02/2018, bị cáo Ngô Đức M được bị cáo Ngô Văn T thuê chở hàng từ ngã ba Sát hạch thuộc địa phận xã B, huyện T về xã B, huyện T với giá 400.000 đồng thì bị cáo M đồng ý. Bị cáo M điều khiển xe ba gác máy (xe lôi) của mình tới ngã ba Sát hạch. Tại ngã ba Sát hạch, bị cáo T và bị cáo M bốc hàng từ xe tải sang xe ba gác máy (xe lôi) của bị cáo M. Trong lúc bốc hàng thì bị cáo M hỏi bị cáo T: “Hàng chi rứa vậy ông”, bị cáo T nói: “Im, im, im, chất làm vàng đó”. Bị cáo M nghe vậy biết là chất độc Xyanua nhưng nghĩ hàng đã chất lên xe và đã được trả 400.000 đồng nên vẫn tiếp tục chất hàng. Khi bốc hàng xong, bị cáo T nói với bị cáo M là: “Đi thẳng theo đường biển (ĐT129) về xã B, huyện T”. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe máy Nouvo chạy trước, còn bị cáo M điều khiển xe lôi chở hàng chạy theo sau. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/02/2018, trên tuyến đường ĐT129 thuộc địa phận thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Ngô Đức M đã có hành vi điều khiển xe lôi ba bánh, không có biển kiểm soát, chở 24 (hai mươi bốn) bao tải đựng 600 (sáu trăm) ki lô gam chất độc NaCN (Natri Xyanua) không có hóa đơn, chứng từ cho bị cáo Ngô Văn T. Bị cáo Ngô Văn T nhận vận chuyển cho

người không rõ lai lịch. Cùng lúc đó, hai đồng chí Trần Huy P, Nguyễn Phú C là cán bộ thuộc Tổ Công tác Công an huyện T đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông trên tuyến đường ĐT129 yêu cầu dừng xe, kiểm tra. Bị cáo M đã điện thoại cho bị cáo T, theo sự hướng dẫn của bị cáo T thì bị cáo M đã đưa số tiền 1.500.000 đồng hối lộ xin tổ công tác xin cho xe đi nhưng không được nên bị cáo M tiếp tục gọi cho bị cáo T đến. Bị cáo T đến đưa số tiền 9.500.000 đồng để hối lộ xin tổ công tác cho bị cáo M lấy xe chở hàng đi nhưng tổ công tác không đồng ý. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất độc và đưa hối lộ.

[4] Qua tranh tụng tại phiên tòa, xét lời khai của các bị cáo, kết luận giám định chất độc; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/02/2018, trên tuyến đường ĐT129 thuộc địa phận thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Ngô Đức M đã có hành vi vận chuyển 24 (hai mươi bốn) bao tải đựng 600 (sáu trăm) ki lô gam chất độc NaCN (Natri Xyanua) không có hóa đơn, chứng từ cho bị cáo Ngô Văn T. Bị cáo Ngô Văn T nhận vận chuyển cho người không rõ lai lịch. Sau khi bị lực lượng chức năng kiểm tra thì bị cáo Ngô Văn T đã có hành vi đưa hối lộ với số tiền 9.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Ngô Văn T đã đủ các yếu tố cấu thành các tội “Vận chuyển trái phép chất độc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo Ngô Đức M đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất độc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Cáo trạng số 70/CT-VKS-P2 ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Chất độc NaCN (Natri Xyanua) là loại vật tư kỹ thuật đặc biệt do Nhà nước độc quyền quản lý, phục vụ cho kế hoạch sản xuất và chiến đấu; chỉ các tổ chức, cơ quan, đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng. Các bị cáo nhận thức và hiểu được những quy định của pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã có hành vi vận chuyển chất độc và bất chấp những quy định nghiêm cấm của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm hoạt động quản lý của nhà nước về các loại vật tư kỹ thuật độc quyền mà còn phương hại nền an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội và những hậu quả xấu có thể xảy ra. Đưa hối lộ là hành vi cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, người thực hiện công vụ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo Ngô Văn T bất chấp quy định của pháp luật để thực hiện hành vi đưa hối lộ. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng đối với tội “Vận chuyển trái phép chất độc” và ít nghiêm trọng đối với tội “Đưa hối lộ”. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh,



tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với các loại tội phạm này trong đời sống xã hội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo. Bị cáo Ngô Đức M có mẹ ruột là bà Hoàng Thị T đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, có công cách mạng; bị cáo Ngô Văn T có hoàn cảnh khó khăn, có mẹ ruột là bà Lâm Thị L có công cách mạng và được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, các bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo.

Xét các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Đức M có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt truy tố đối với các bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép chất độc”.

Đối với tội “Đưa hối lộ”, Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T khi quyết định hình phạt để đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Ngô Văn T có vai trò chính, là người khởi xướng; bị cáo Ngô Đức M giúp sức tích cực cho bị cáo T, trực tiếp thực hành tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo M.

Bị cáo Ngô Văn T phạm 02 tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T.

[7] Những vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án:

[7.1] Đối với hành vi của ông Nguyễn Ngọc B: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã xác định vào ngày 01/02/2019, Nguyễn Ngọc B là người nhận chở 24 bao hàng từ thành phố H về Ngã ba sát hạch, khi nhận hàng tại thành phố H, B có hỏi người giao hàng đó là loại hàng gì, họ trả lời là hạt nhựa, B nhìn thấy trên bao bì có chi dòng chữ “Hạt nhựa”, hóa đơn, chứng từ sẽ gửi về sau, họ trả tiền nên B đồng ý vận chuyển với giá 800.000 (tám trăm ngàn) đồng. Căn cứ kết quả trích xuất dữ liệu từ hệ thống giám sát hành trình của xe tải nói trên cho thấy xe 43C-051.81 do tài xế Nguyễn Ngọc B điều khiển từ thành phố H về thành phố Đ đến xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, trưa ngày 01/02/2018 có dừng đỗ tại Ngã ba sát hạch thuộc xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam để giao hàng cho Ngô Văn T, Ngô Đức M. Tuy

nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác định B có hành vi vận chuyển thuê chất độc (Xyanua) nên chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc B về hành vi “Vận chuyển trái phép chất độc” là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người đàn ông thuê bị cáo Ngô Văn T vận chuyển Xyanua: Căn cứ vào lời khai của bị can Ngô Văn T và trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với hành vi đưa hối lộ của bị cáo Ngô Đức M: Do số tiền không đủ định lượng (1.500.000 đồng) về tội “Đưa hối lộ” nên Cơ quan điều tra đã đề nghị chuyển xử lý hành chính đối với hành vi đưa hối lộ là đúng quy định của pháp luật.

#### [7.2] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 07/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử lý vật chứng số 52/PC45 về việc trả lại 01 (một) giấy phép lái xe số 790169079082 hạng B2 mang tên Ngô Trung Ti (sinh ngày 21/10/1997; trú tại Tổ 1, thôn K, xã Bình T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; là phù hợp, đúng pháp luật.

- Xét 24 (hai mươi bốn) bao tải bên ngoài in các dòng chữ “AGC, bột nhựa PVC RESIN, ASNYL”, bên trong có chứa chất màu trắng hình trụ tròn, mỗi bao có cân nặng 25 (hai mươi lăm) ki lô gam là tang vật phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy (Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Kho vật chứng Công an tỉnh Quảng Nam);

- Xét 01 (một) cọc tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng tiền Việt Nam gồm 19 (mười chín) tờ, tổng cộng số tiền là 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng là tiền đưa hối lộ nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- Xét 01 (một) cọc tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng gồm 02 (hai) tờ mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 (một trăm ngàn) đồng, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 (năm mươi ngàn) đồng. Trong đó: 1.500.000 đồng là tiền đưa hối lộ và 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Ngô Đức M nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 100.000 đồng là của bị cáo Ngô Đức M không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ngô Đức M nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Xét 01 (một) cọc tiền có tổng số tiền là 114.000 (một trăm mười bốn ngàn) đồng tiền Việt Nam của Ngô Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Các khoản tiền đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo các biên lai thu tiền số 0000208 ngày 30/9/2019 và 0000247 ngày 18/02/2020).

- Xét 01 xe lôi ba bánh không có biển kiểm soát; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đỏ, bên trong có gắn hai sim gồm: 01 (một) sim Viettel có số seri 8984.04800.88128.11596; 01 (một) sim Vinaphone có số seri 89840.20001.05388.48748 của Ngô Đức M; 01 (một) điện thoại di động hiệu

Samsung màu đen, bên ngoài có ốp cao su màu đen, bên trong có gắn hai sim, 01 (một) sim Vinaphone không có số seri; 01 (một) sim Vinaphone có số seri: 89840.20001.06321.89254 của Ngô Văn T; là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Xét 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 92L1-061.39 (Kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe số 020871 mang tên Ngô Văn T): Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Kim O và là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo. Hơn nữa, đây là phương tiện không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo T. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O (Bà O nhận thay chiếc xe này).

- Xét 01 (một) thẻ ATM số 9704.0507.9273.2526 mang tên Ngô Văn T; 01 (một) thẻ khách hàng của Ngân hàng Agribank mang tên Ngô Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số 490038002488 hạng A1, mang tên Ngô Văn T; 01 (một) ví màu đen cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T; 01 (một) ví màu đen đã cũ của Ngô Đức M; 01 (một) điện thoại di động màu vàng nhạt, hiệu Mobell, số IMEI: 510111601071796, bên trong có gắn sim Mobifone số thuê bao 01202330791, mặt sau có in dãy số 8401150450078245 của Nguyễn Ngọc B; là tài sản của bị cáo T, M và ông B, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T, M và ông B.

(Các vật chứng đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/9/2019).

- Đối với số tiền 600.000 đồng bị cáo T nhận của người đàn ông không rõ lai lịch để vận chuyển trái phép chất độc: Bị cáo T giao cho bị cáo M 400.000 đồng còn lại 200.000 đồng là tiền bị cáo T hưởng lợi từ việc vận chuyển trái phép chất độc nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng này.

[8] Về án phí: Các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Đức M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn T** phạm các tội “Vận chuyển trái phép chất độc” và tội “Đưa hối lộ”; bị cáo **Ngô Đức M** phạm tội “Vận chuyển trái phép chất độc”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn T 08** (Tám) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất độc”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn T 01** (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Ngô Văn T** phải chấp hành cho cả hai tội là **09** (Chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 01/02/2018.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 311; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Ngô Đức M 07** (Bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 01/02/2018.

## **2. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ: Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 24 (hai mươi bốn) bao tải bên ngoài in các dòng chữ “AGC, bột nhựa PVC RESIN, ASNYL”, bên trong có chứa chất màu trắng hình trụ tròn, mỗi bao có cân nặng 25 (hai mươi lăm) ki lô gam (Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Kho vật chứng Công an tỉnh Quảng Nam);

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) cọc tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng tiền Việt Nam gồm: 19 (mười chín) tờ, tổng cộng số tiền là 9.500.000 (chín triệu năm trăm ngàn) đồng và 01 (một) cọc tiền 1.900.000 (Một triệu chín trăm ngàn) đồng gồm: 02 (hai) tờ mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 (một trăm ngàn) đồng;

- 01 xe ô tô ba bánh không có biển kiểm soát; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đen đỏ, bên trong có gắn hai sim gồm: 01 (một) sim Viettel có số seri 8984.04800.88128.11596; 01 (một) sim Vinaphone có số seri 89840.20001.05388.48748 của Ngô Đức M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, bên ngoài có ốp cao su màu đen, bên trong có gắn hai sim, 01 (một) sim Vinaphone không có số seri; 01 (một) sim Vinaphone có số seri: 89840.20001.06321.89254 của Ngô Văn T;

Trả lại cho bị cáo Ngô Văn T:

- 01 (một) thẻ ATM số 9704.0507.9273.2526 mang tên Ngô Văn T; 01 (một) thẻ khách hàng của Ngân hàng Agribank mang tên Ngô Văn T; 01 (một) giấy phép lái xe số 490038002488 hạng A1, mang tên Ngô Văn T; 01 (một) ví màu đen cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T;

- 01 (một) cọc tiền có tổng số tiền là 114.000 (một trăm mười bốn ngàn) đồng tiền Việt Nam của Ngô Văn T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Ngô Đức M: 01 (một) ví màu đen đã cũ của Ngô Đức M; số tiền 100.000 đồng là của bị cáo Ngô Đức M nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án;

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc B:

01 (một) điện thoại di động màu vàng nhạt, hiệu Mobell, số IMEI: 510111601071796, bên trong có gắn sim Mobifone số thuê bao 01202330791, mặt sau có in dãy số 8401150450078245 của Nguyễn Ngọc B.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Kim O 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 92L1-061.39 (Kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe số 020871 mang tên Ngô Văn T). Bà Nguyễn Thị Kim O nhận thay chiếc xe này.

(Các khoản tiền đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo các biên lai thu tiền số 0000208 ngày 30/9/2019 và 0000247 ngày 18/02/2020; các vật chứng còn lại đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/9/2019).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng của bị cáo Ngô Văn T là tiền bị cáo T hưởng lợi từ việc vận chuyển trái phép chất độc.

**3. Về án phí:** Các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Đức M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/02/2020), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Những người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Phòng PV 06 CA Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Thiện**